

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách di dân tái định cư các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 – 2015

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2016 và Kế hoạch số 518/KH-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh giám sát “Việc thực hiện chính sách di dân tái định cư các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh”. Ban Dân tộc HĐND đã tổ chức giám sát, khảo sát tại địa bàn gồm các huyện: Mường Lát; Quan Hóa; Bá Thước; Cẩm Thủy; Lang Chánh và Như Xuân; làm việc với chủ đầu tư của các công trình thủy điện: Trung Sơn, Hồi Xuân, Thành Sơn, Bá Thước 1 và 2, Cẩm Thủy 1, Trí Nang và Sông Âm; xem xét báo cáo của Sở Công thương. Ban Dân tộc HĐND tỉnh tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về quy hoạch và thực hiện quy hoạch

Quy hoạch thủy điện Thanh Hóa giai đoạn 2010 – 2015 được Bộ Công thương phê duyệt có 14 dự án, với tổng công suất lắp máy 733 MW, trong đó: trên sông Mã có 9 dự án gồm: Thủy điện Trung Sơn; Thành Sơn; Hồi Xuân; Bá Thước 1 và 2; Cẩm Thủy 1 và 2; trên sông Chu có 02 dự án: Thủy điện Cửa Đạt và Xuân Minh; thủy điện nhỏ khác có 5 dự án: Thủy điện Trí Nang; Sông Âm; Dốc Cáy; Bái Thượng và Tam Lư.

Đến nay, đã có 03 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, kết nối với lưới điện quốc gia: Thủy điện Cửa Đạt; Bá Thước 2 và Dốc Cáy, còn lại 09 dự án đang thi công, dự kiến hoàn thành vào năm 2018; 02 dự án đang hoàn thiện hồ sơ là thủy điện Cẩm Thủy 2 và thủy điện Sông Âm.

Việc xây dựng các công trình thủy điện cơ bản đúng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khai thác tiềm năng, lợi thế về tài nguyên nước, sản xuất bổ sung cho nguồn điện quốc gia; tạo cảnh quan để phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn, phát triển ngành nghề sản xuất nông, lâm, thủy sản cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Về phạm vi, đối tượng bị ảnh hưởng

Theo quy hoạch của Bộ Công thương đến nay đã có 14 dự án được phê duyệt đầu tư xây dựng tại 6 huyện miền núi phía Tây của tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh chỉ tập trung giám sát tại 04 huyện có bố trí di dân tái định cư (TĐC), chịu tác động ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân,

gồm các dự án thủy điện: Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân (huyện Quan Hóa); Bá Thước 1 và 2 (huyện Bá Thước) và Cẩm Thủy 1 (huyện Cẩm Thủy).

2.1. Về địa bàn bị ảnh hưởng: Theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các công trình thủy điện được đầu tư xây dựng có tổng diện tích đất bị ảnh hưởng đã thu hồi và bồi thường là: 1.849,348 ha, trong đó đất ở là 20,950 ha; đất nông nghiệp 495,64 ha, đất lâm nghiệp 1.259,566 ha, trên địa bàn 31 xã của 04 huyện.

2.2. Về xây dựng các điểm TĐC để tiếp nhận số hộ phải di chuyển đến: Các địa phương đã có phương án quy hoạch, xây dựng 06 khu, 13 điểm TĐC tập trung, tại 07 xã của 3 huyện (Mường Lát, Quan Hóa và Bá Thước).

2.3. Về đối tượng bị ảnh hưởng: Tổng số hộ bị ảnh hưởng là 6.838 hộ, số hộ phải di chuyển TĐC là 930 hộ, trong đó chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ

1. Thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng

Các huyện có công trình thủy điện được xây dựng trên địa bàn đều thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB), di dân TĐC do đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng. Các thành viên Hội đồng là trưởng các phòng chuyên môn của UBND huyện và Chủ tịch UBND xã có hộ bị ảnh hưởng, Hội đồng GPMB các huyện phối hợp với chủ đầu tư thực hiện quy trình kiểm kê, áp giá bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư đúng chính sách, chế độ và đảm bảo quyền lợi cho người dân (Thủy điện Trung Sơn có chính sách bồi thường đặc thù được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

2. Ban hành các văn bản chỉ đạo, quản lý điều hành

Để đảm bảo việc triển khai các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh tuân thủ đúng quy định của pháp luật, từ năm 2010 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 180 loại văn bản chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn; ban hành quyết định phê duyệt các phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, ban hành định mức đơn giá đền bù về tài sản để áp dụng thống nhất. Sở Công thương ban hành trên 450 loại văn bản để chỉ đạo, đôn đốc đối với các dự án thủy điện, hướng dẫn giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án.

UBND các huyện ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng như: Thông báo chủ trương thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất, xây dựng phương án, kế hoạch triển khai thực hiện GPMB. Phối hợp với chủ đầu tư, các ngành chức năng của tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể ở huyện tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt, tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xem

xét giải quyết kịp thời các nội dung kiến nghị có liên quan đến công tác GPMB đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3. Kết quả thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư

3.1. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

Tất cả các dự án thủy điện được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết về công tác bồi thường, hỗ trợ TĐC cho từng dự án; phối hợp với chính quyền địa phương (Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng của các huyện) tiến hành đo đạc, kiểm đếm xác định mức độ thiệt hại, áp giá đền bù cho từng công trình phù hợp với các yếu tố đặc thù của đồng bào và các địa phương, gửi các ngành thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường. Sau đó, UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường chi tiết; các chủ đầu tư chuẩn bị nguồn kinh phí; Hội đồng đền bù các huyện tổ chức chi trả cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

Đến nay, các huyện đã tổ chức thống kê, kiểm đếm, lập phương án bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng là 6.838 hộ/27.352 khẩu, với tổng diện tích đất đã thu hồi và bồi thường là: 1.849,348 ha, trong đó: Đất ở 20,950 ha; đất nông nghiệp 495,64 ha, đất lâm nghiệp 1.259,556 ha. Tổng kinh phí đã được phê duyệt và bồi thường là 642.994 triệu đồng (*có phụ lục kèm theo*).

3.2. Công tác xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng tại khu TĐC

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết, thiết kế bản vẽ kỹ thuật và dự toán thi công nhà ở và các công trình công cộng, thỏa thuận với các hộ dân trong diện TĐC và chính quyền các cấp (huyện, xã), sau đó các ban quản lý dự án (QLDA) ký hợp đồng thi công với các nhà thầu, tiến hành xây dựng công trình. Đối với các hộ dân đề nghị tự xây dựng nhà ở thì ban QLDA thỏa thuận các điều kiện với các hộ, có sự đồng ý của chính quyền địa phương, sau đó chuyển tiền đề các hộ tự xây dựng.

UBND các huyện đã phối hợp với chủ đầu tư quy hoạch, xây dựng 06 khu, 13 điểm TĐC tập trung, đến nay đã có 12 điểm TĐC cơ bản hoàn thành. Các điểm TĐC đã hoàn thành việc xây dựng, gồm: Nhà ở, các công trình phụ, nhà văn hóa cộng đồng, y tế, trường học,... Tổng diện tích các khu tái định cư khoảng 76 ha, bình quân mỗi hộ được bố trí tối thiểu 300m² đất ở trở lên, riêng khu TĐC huyện Bá Thước được bố trí đất ở 400m² và đất vườn 300m².

Tổng số hộ phải di chuyển và TĐC là 930 hộ, trong đó: TĐC tập trung 432 hộ; xen ghép 29 hộ; tự nguyện 469 hộ. Đến nay, đã hỗ trợ xây dựng được 379 ngôi nhà cho 432 hộ TĐC tập trung di chuyển đến nơi ở mới (kể cả dự án xây và nhân dân tự xây dựng). Định mức cho xây dựng nhà ở các khu TĐC được tính theo nhân khẩu: hộ có từ 1 đến 2 khẩu được 25 m²; từ 3 đến 5 khẩu được 45 m²; hộ từ 6 khẩu trở lên được 65 m², bình quân mỗi căn nhà có diện tích từ 40 đến 70 m²; có giá trị từ 230 triệu đồng trở lên. Cách thức thực hiện

hỗ trợ được tiến hành bằng nhiều hình thức, nếu các hộ có nhu cầu tự làm nhà, thì được Ban QLDA cấp kinh phí cho các hộ tự xây dựng. Đối với các hộ không có điều kiện làm nhà hoặc có nhu cầu nhận nhà thì chủ đầu tư bàn bạc thống nhất thiết kế mẫu, kiểu dáng, diện tích với người dân và chính quyền địa phương, sau đó Ban QLDA hợp đồng với các nhà thầu thi công, xây dựng hoàn chỉnh và tổ chức bàn giao cho người dân quản lý sử dụng.

3.3. Việc giải quyết đất sản xuất

Được chính quyền địa phương quan tâm, bố trí theo phương án được duyệt, những hộ đến nơi TĐC mới được hỗ trợ theo định mức từ 0,5 ha trở lên đất sản xuất, tùy theo loại đất, quỹ đất hiện có và số nhân khẩu của hộ bị ảnh hưởng.

Ngoài việc được giao đất, các hộ TĐC còn được hỗ trợ cây, con giống, vật tư, phân bón và hướng dẫn kỹ thuật; hỗ trợ bình quân cho phát triển sản xuất mức 5 triệu đồng/hộ.

Việc khai hoang, xây dựng mở rộng quỹ đất sản xuất cho người dân do chủ đầu tư hoặc các Ban QLDA hợp đồng với các nhà thầu thực hiện, sau đó phối hợp với chính quyền địa phương giao đất cho các hộ sản xuất. Tuy nhiên, đến nay mới chỉ có thủy điện Trung Sơn tại huyện Quan Hóa khai hoang được diện tích 6,52 ha đất lúa cấp cho các hộ TĐC.

3.4. Công tác di chuyển chỗ ở đến nơi TĐC

Chính quyền địa phương nơi đi và nơi đến phối hợp với Ban QLDA kiểm tra các điều kiện tối thiểu bảo đảm cuộc sống của người dân trước khi tổ chức di chuyển. Hình thức di chuyển do Ban QLDA hợp đồng với một đơn vị vận tải tổ chức di chuyển tập trung hoặc các hộ tự di chuyển, Ban QLDA hỗ trợ tiền di chuyển.

Theo phương án được duyệt, đến nay số hộ phải di chuyển là 930 hộ, số hộ đã được hỗ trợ kinh phí di chuyển là 379 hộ. Hỗ trợ theo mức bình quân là: Di chuyển trong xã 03 triệu đồng, di chuyển ngoài xã nhưng cùng huyện 05 triệu đồng, di chuyển mờ mả từ 600.000đ trở lên tùy theo loại mộ. Ngoài ra, một số dự án còn áp dụng việc thưởng cho các hộ dân di chuyển đúng tiến độ mức 5 triệu đồng/hộ (thủy điện Trung Sơn).

3.5. Hỗ trợ về sản xuất và đời sống cho hộ TĐC

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đồng bào TĐC được thực hiện theo các nội dung quy định, bao gồm: hỗ trợ lương thực, y tế, giáo dục, điện sinh hoạt, di chuyển nhà, phát triển sản xuất... được chủ đầu tư thông qua Hội đồng đền bù của huyện chi trả cho người dân.

Theo các phương án TĐC đã được phê duyệt, các hộ di chuyển đến nơi ở mới được hỗ trợ về đời sống theo định mức: Hỗ trợ lương thực cho mỗi nhân khẩu từ 15 kg/tháng, hỗ trợ trong thời gian 24 tháng; hỗ trợ gián đoạn sản xuất (dự án thủy điện Trung Sơn) hỗ trợ 03 triệu đồng/khâu, nếu hộ có

nhiều khẩu từ khẩu thứ 2 trở lên hỗ trợ 02 triệu đồng. Hỗ trợ về giáo dục, mỗi học sinh phổ thông các cấp được cấp 1 bộ sách giáo khoa theo giá quy định của Nhà nước.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:

Qua giám sát, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đánh giá tổng quát về công tác di dân TĐC các công trình thủy điện tại các huyện, như sau:

1. Kết quả đã đạt được

Việc di dân, tái định cư để xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đúng quy trình, các huyện và chủ đầu tư quan tâm; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân; thành lập Hội đồng đền bù GPMB; điều tra, thống kê địa bàn, số hộ dân phải di chuyển, tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại; tiến hành bàn bạc, lựa chọn phương án quy hoạch, mẫu nhà ở, xây dựng các khu, điểm tái định cư; ban hành các văn bản nhằm cụ thể hoá các chính sách, chế độ của Nhà nước cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; xây dựng và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ; triển khai xây dựng nhà ở, các công trình công cộng ở các khu, điểm tái định cư, tổ chức di chuyển dân; đa số người dân đồng tình ủng hộ chủ trương, chính sách của nhà nước, sẵn sàng di chuyển để thực hiện dự án. Người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống tốt hơn nơi ở cũ, nhà ở khang trang, kết cấu hạ tầng được đầu tư tương đối đồng bộ, đời sống sinh hoạt của nhân dân từng bước ổn định, định hình tổ chức lại sản xuất phù hợp với điều kiện, canh tác mới.

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Công tác quy hoạch một số khu, điểm TĐC chưa tính hết các yếu tố sinh kế bền vững (mới chỉ có thủy điện Trung Sơn là có dự án sinh kế sau TĐC cho hộ dân), quan tâm chưa nhiều đến phong tục, tập quán sản xuất, sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số; có nơi chưa hợp lý, bố trí ở trên đỉnh núi cao, mặt bằng không đều (chỗ cao, chỗ thấp), xa nơi canh tác, thiếu nguồn nước sinh hoạt, chất lượng đất kém, nguy cơ sạt lở cao như ở điểm TĐC Keo Đám, huyện Quan Hóa, có 07/43 hộ xây dựng nhà ở trên khu vực ta luy dương rất cao, nguy cơ sạt lở rất lớn, trong đó có 03 hộ đã xây dựng nhà nhưng không giám ở (hiện nay, dự án đang phối hợp với huyện Quan Hóa di chuyển số hộ này đi ở tạm chỗ khác trong lúc đang chờ xử lý, khắc phục hành lang dự án đường Tây Thanh Hóa).

Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, điểm TĐC còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới. Tiến độ xây dựng một số công trình công cộng như trường học, trạm xá, nhà văn hóa... chậm, nhiều điểm quy hoạch TĐC và xây dựng nhà ở quá chậm như thủy điện Hồi Xuân triển khai xây dựng được 5 năm vẫn chưa giao được mặt bằng khu TĐC; một số công trình đầu tư không được khảo sát, thiết kế phù hợp, giám sát thiếu chặt chẽ nên chất lượng công trình kém hiệu quả, gây bức

xúc cho nhân dân như: Nước sinh hoạt ở bản Nàng 1, xã Mường Lý; bản Keo Đám xã Trung Sơn (do ống kẽm nhỏ, rỉ han gỉ, thiết kế kỹ thuật không phù hợp, cuối nguồn các hộ không có nước dùng).

Quy hoạch nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số như nhà ở của dân cư đô thị, việc sản xuất và sinh hoạt của người dân không đảm bảo vệ sinh môi trường. Các khu, điểm TĐC đều khó khăn trong việc tạo quỹ đất sản xuất, thiếu nguồn nước, đất đai cằn cỗi, độ dốc lớn; không có đất vườn để trồng trọt (rau, củ, quả); không có đất để làm chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

2.2. Khảo sát, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các dự án thủy điện, đề xuất quy hoạch dân cư, bố trí đất sản xuất, nhu cầu khai thác, sử dụng nước sau hạ lưu còn nhiều hạn chế; Thông tư 43/2012 ngày 27/12/2012 của Bộ Công thương quy định: Ngoại trừ các dự án thủy điện đa mục tiêu, các dự án khác được đề xuất quy hoạch phải đảm bảo không chiếm dụng quá 10ha đất các loại hoặc không di dời quá 01 hộ dân với 1 MW công suất lắp máy, nhưng các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh đều vượt mức quy định này.

Chưa lường hết được những phát sinh khi tích nước, có thể các hộ nằm ngoài quy hoạch dự án, nhưng trong lưu vực vẫn bị ảnh hưởng như một số hộ dân ở thôn Chiềng Ai, xã Hạ Trung, Bá Thước. Hiện nay, công trình thủy điện Bá Thước 2, nước dâng đang làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của các hộ dân tại các xã Lâm Xa và Lương Ngoại gần 100 giếng nước, chưa thỏa thuận được phương án giải quyết.

2.3. Hầu hết các điểm TĐC mới chỉ tập trung chủ yếu cho công tác di dân và triển khai xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu. Việc bố trí đất sản xuất cho đồng bào hiện nay ở hầu hết các dự án chưa giải quyết được, người dân chưa được cấp đất sản xuất, chưa có phương án sản xuất, phương án chuyển đổi nghề nghiệp, tạo thu nhập thường xuyên ổn định cho người dân khi chuyển đến nơi TĐC. Một số dự án chưa phê duyệt được phương án trồng bù rừng thay thế, khi nhà nước thu hồi chuyển đổi mục đích đất rừng. Hỗ trợ giống cây chưa đảm bảo, người dân chưa được hưởng các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm. Vì vậy, một số nơi đồng bào đang gặp rất nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, người dân bán khoán, lo lắng, chưa biết làm gì để có thu nhập, ổn định cuộc sống sau khi đã sử dụng hết số tiền được hỗ trợ TĐC. Đa số các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy chế quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng cụ thể, vệ sinh môi trường kém nên nhanh hư hỏng, xuống cấp nhất là các công trình thủy lợi, giao thông và nước sinh hoạt.

2.4. Công tác thống kê, đền bù, lập, thẩm định và phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư còn hạn chế. Một số nơi còn đề xảy ra sai sót trong quá trình kiểm đếm, đánh giá mức thiệt hại bồi thường như ở Mường Lát (kiểm kê tài sản trên đất và xác định nguồn gốc đất chưa rõ ràng, nên có 18 hộ thắc mắc chưa nhận tiền bồi thường; kiểm đếm số ngôi mộ chưa đầy đủ nên phát sinh khiếu nại...). Chưa bố trí kinh phí cho các hộ mất đất sản xuất

nông nghiệp từ 30% trở lên theo quy định tại Nghị định 69/2009/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc chi trả tiền bồi thường GPMB và kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ cho dân còn chậm như: Dự án thủy điện Hồi Xuân; Trung Sơn; Thành Sơn; Bá Thước. Bên cạnh đó, chính sách đền bù, tái định cư còn nhiều bất cập, việc đền bù cho người dân bị ảnh hưởng mới chỉ tính đến thiệt hại trực tiếp, chưa tính đến thiệt hại gián tiếp; hiện nay, trên địa bàn tỉnh, thậm chí trong cùng một huyện, mỗi dự án di dân TĐC thực hiện một chế độ, chính sách đền bù, GPMB và hỗ trợ TĐC khác nhau, có sự thiếu công bằng, gây khó khăn cho việc thực hiện ở cơ sở.

2.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách về di dân TĐC ở một số điểm chưa được quan tâm đúng mức, đồng bào chưa thực sự hiểu hết các chính sách, định mức, hình thức đền bù, hỗ trợ, dẫn đến việc một số điểm tái định cư còn xảy ra thắc mắc, khiếu nại như ở Mường Lát, Bá Thước, Cẩm Thủy. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận dân cư còn hạn chế, chưa chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các công trình lợi ích quốc gia.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1 Nguyên nhân khách quan:

Việc sắp xếp, bố trí lại dân cư để thực hiện các dự án thủy điện là một vấn đề hết sức phức tạp, liên quan đến nhiều chính sách, chế độ cụ thể, tác động đến mọi mặt sản xuất, đời sống, sinh hoạt, tâm lý, tình cảm, lịch sử, văn hóa của người dân.

Địa hình phức tạp, đất ở và đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi rất ít, ở các vùng có dự án thủy điện quá ít, nên việc lựa chọn địa điểm, tạo được mặt bằng để xây dựng khu TĐC và tổ chức sản xuất cho đồng bào là rất khó khăn; việc xây dựng nhiều công trình thủy điện càng làm cho việc bố trí các khu TĐC ở địa bàn miền núi càng khó khăn hơn.

Đội ngũ cán bộ làm công tác thống kê, đền bù GPMB ở cơ sở chủ yếu là kiêm nhiệm, vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn nghiệp vụ, đo đếm thủ công, địa hình phức tạp nên độ chính xác chưa cao.

Chính sách bồi thường, hỗ trợ và TĐC chưa thống nhất và phụ thuộc vào chính sách của từng dự án. Đơn giá bồi thường về các loại đất và một số tài sản trên đất còn bất cập; không sát với thị trường; một số chủ đầu tư khó khăn về nguồn vốn nên làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án (thủy điện Hồi Xuân).

3.2 Nguyên nhân chủ quan:

Công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện dự án di dân TĐC ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thực sự quyết liệt, còn nhiều hạn chế, lúng túng; sự phối hợp giữa chủ đầu tư với chính quyền địa phương và các đơn vị

liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao chưa thực sự đồng bộ, cá biệt có nơi chưa chủ động và chưa làm tròn vai trò trách nhiệm được giao.

Công tác quản lý nhà nước ở cơ sở về đất đai, xây dựng cơ bản còn nhiều hạn chế, lãnh đạo, chỉ đạo chưa tập trung; sơ kết, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình di dân TĐC, chưa được tiến hành thường xuyên và kịp thời.

Xây dựng phương án bồi thường, GPMB di dân TĐC của các dự án chưa nghiên cứu kỹ đến các yếu tố vùng miền, điều kiện tự nhiên, chưa tham vấn đầy đủ ý kiến của cộng đồng trong công tác thiết kế xây dựng các khu TĐC, công trình phúc lợi để phù hợp với phong tục tập quán của người dân địa phương.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Từ kết quả giám sát, Ban Dân tộc HĐND tỉnh kiến nghị một số vấn đề sau đây:

1. Đối với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ

1.1. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo rà soát, có đánh giá tổng thể quy hoạch phát triển hệ thống thủy điện bậc thang tỉnh Thanh Hóa, để có chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc xây dựng các dự án thủy điện, đảm bảo đạt hiệu quả bền vững. Xây dựng quy chế vận hành an toàn hồ đập thủy điện, lưu vực sông, xả lũ, quy định dòng chảy tối thiểu sau đập thủy điện.

1.2. Ban hành quy định khung về chính sách bồi thường, áp giá, hỗ trợ tái định cư các công trình thủy điện thống nhất trong cả nước để các địa phương vận dụng thực hiện. Chính sách hỗ trợ sản xuất và đời sống nên kéo dài từ 3 - 5 năm đầu sau khi người dân đến nơi TĐC mới, vì thực tế cho thấy chỉ sau khoảng thời gian đó các khu TĐC mới có thể hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất và ổn định đời sống.

2. Đối với UBND tỉnh

2.1. Đề nghị UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, giám sát thi công, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình thiết yếu của dự án, quan tâm hơn nữa đến sản xuất và đời sống của nhân dân vùng TĐC; Phối hợp với các chủ dự án nhanh chóng xử lý những bất cập còn tồn tại hiện nay. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách về quyền lợi của người dân khi phê duyệt dự án chưa được tính đến; thực hiện tốt việc quản lý, cấp phát nguồn vốn cho công tác tái định cư đầy đủ, kịp thời.

2.2. Chỉ đạo các sở, ban, ngành chức năng và UBND các huyện tập trung giải quyết đất sản xuất cho nhân dân các điểm TĐC. Đồng thời tiến hành giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào. Có chính sách đặc thù giúp đồng bào tại các khu TĐC, tổ chức sản xuất ổn định, bền vững, đảm bảo cuộc sống sinh kế lâu dài sau TĐC.

2.3. Chỉ đạo Sở Giao thông – Vận tải triển khai nhanh dự án xây dựng tường kè chống sạt lở thuộc dự án đường Tây Thanh Hóa, tại bản Keo Đám, xã Trung Sơn, Quan Hóa đang có nguy cơ sạt lở rất cao.

2.4. Điều tiết tỷ lệ phần trăm phí bảo vệ môi trường cho các địa phương chịu ảnh hưởng bởi xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn.

2.5. Sửa đổi, bổ sung, nâng mức đơn giá bồi thường, GPMB về đất đai, tài sản trên đất ở địa bàn miền núi phù hợp với tình hình thực tế như: Giá nhà xây, vật kiến trúc khác đổi với các điểm dân cư hẻo lánh, xa đường giao thông, qua sông, khó khăn về vận chuyển và vật liệu xây dựng.

2.6. Chỉ đạo các ngành, các địa phương liên quan, xây dựng kế hoạch trồng bù lại rừng khi Nhà nước chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, sang mục đích khác, theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ Về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

3. Đối với UBND các huyện

3.1. Tập trung chỉ đạo, khẩn trương giao đất sản xuất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các điểm quy hoạch tiếp nhận dân tái định cư làm cơ sở cho việc phê duyệt hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng chính sách quy định. Khẩn trương tính toán bồi thường đất sản xuất nông nghiệp và đất rừng kinh tế cho các hộ dân. Có phương án trồng cây cho các điểm TĐC đảm bảo môi trường, sinh thái.

3.2. Chủ động phối hợp thực hiện công tác quy hoạch và xây dựng các khu TĐC đảm bảo phát triển bền vững; lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn khác trên địa bàn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả. Xây dựng các phương án dạy nghề, chuyển đổi nghề cho phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế từng vùng, từng dân tộc, tạo việc làm lâu dài, ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; sớm triển khai phương án sản xuất, hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật giúp nhân dân lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp và sớm ổn định đời sống, sinh kế lâu dài cho người dân; nhằm nâng cao thu nhập, góp phần từng bước thực hiện hoàn thành nhiệm vụ TĐC tại nơi ở mới cho các hộ dân theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án đã được xác định.

3.3. Hướng dẫn xây dựng quy chế quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình công cộng tại các khu tái định cư sau khi bàn giao đưa vào sử dụng để các đảm bảo phát huy hiệu quả lâu dài.

3.4. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai các chế độ chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân; tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền vận động để đồng bào phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa dân cư bản địa và dân TĐC. Giáo dục

ý thức tự lực, tự cường của đồng bào, tránh tư tưởng dựa dẫm, trông chờ, ỉ lại vào sự hỗ trợ lâu dài của Đảng và nhà nước.

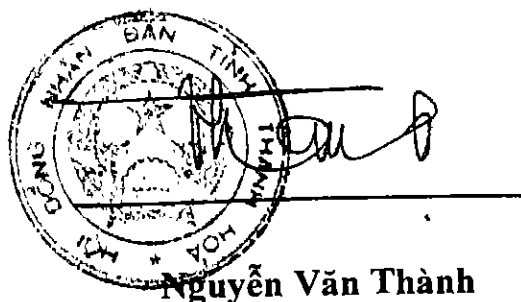
3.5. Quản lý chặt chẽ hiệu quả quỹ đất đai đã được thu hồi và bồi thường GPMB, kiên quyết di dời các hộ đã nhận tiền bồi thường nhưng chưa di dời hoặc cố tình ở lại những điểm có nguy cơ cao về ngập lụt, hay sạt lở đất, không để nhân dân tái lần chiếm trở lại như 05 hộ ở thủy điện Trung Sơn.

Trên đây, là kết quả giám sát công tác di dân, TĐC các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 – 2015 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

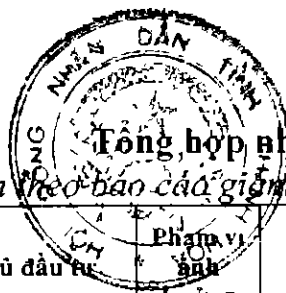
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Ủy viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**



The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee (Ban Dân tộc Tỉnh) with a handwritten signature in black ink over it. The seal contains the text 'BAN DÂN TỘC TỈNH' and 'HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH' around the perimeter, with a central emblem. Below the seal, the name 'Nguyễn Văn Thành' is printed in bold black font.

Nguyễn Văn Thành



PHỤ LỤC

Tổng hợp những số liệu cơ bản của các dự án thủy điện trên sông Mã

(Kèm theo báo cáo giám sát số 788/BC-HĐND ngày 30/11/2016 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình TĐ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Phạm vi ảnh hưởng	Diện tích đất bị ảnh hưởng đã thu hồi (ha)				Số hộ bị ảnh hưởng	Hộ TĐC tập trung	Hộ TĐC xen ghép	Hộ TĐC tự nguyện	Số điểm TĐC đã xây dựng	Diện tích đất khu tái định cư (ha)	Tổng Kinh phí đã bồi thường (tỷ đồng)
					Đất ở	Đất NN	Đất LN	Tổng							
1	TĐ Trung Sơn	Xã Trung Sơn, Quan Hóa	Công ty TNHH một thành viên TĐ Trung Sơn	6 Xã, Thị trấn	9,605	48,996	1.054,654	1.113,255	1841	352	11	67	10/10	71	260,394
2	TĐ Thành Sơn	Xã Thành Sơn, Quan Hóa	Tổ hợp các nhà đầu tư, đại diện là C ty TNHH Hà Thành, Thanh Hóa	3 Xã	0,268	3,344	40,159	43,771	184			13			11,016
3	TĐ Hồi Xuân	Xã Thanh Xuân- xã Hồi Xuân, Quan Hóa	C ty cổ phần đầu tư xây dựng điện Hồi Xuân	8 xã	3,111	9,18	175,735	188,026	1447	53		378	0/1	01	53,214
4	TĐ Bá Thước 1	Xã Thiết Kế, Bá Thước	CTy cổ phần thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	4 xã	0,528	16,8	26,91	44,238	862	18			1/1	2,5	32,017
5	TĐ Bá Thước 2	Xã Diên Lư, Lương Ngoại, Bá Thước	CTy CP thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	8 xã	6,7	345,6		352,3	1950	9	18		1/1	1,05	266,9
6	TĐ Cẩm Thủy 1	Xã Cẩm Lương, Cẩm Thành, Cẩm Thủy	CTy CP đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông	2 xã	0,738	71,72	35,3	107,758	554			2			19,453
	Tổng			31	20,950	495,64	1.259,566	1.849,348	6838	432	29	469	13	75,55	642,994